

Số: 31 /QĐ-UBND

An Giang, ngày 08 tháng 01 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường dự án nâng cấp mở rộng khẩn cấp Đường tỉnh 948 thuộc tuyến đường quốc phòng an ninh vùng biên giới và dân tộc phân đoạn xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp mở rộng khẩn cấp Đường tỉnh 948 thuộc tuyến đường quốc phòng an ninh vùng biên giới và dân tộc;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 02/TTr-STNMT ngày 02/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường dự án nâng cấp mở rộng khẩn cấp Đường tỉnh 948 thuộc tuyến đường quốc phòng an ninh vùng biên giới và dân tộc, phân đoạn xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên (kèm theo Tờ trình số 02/TTr-STNMT ngày 02/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường) với các nội dung cụ thể sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp mở rộng khẩn cấp đường tỉnh 948 thuộc tuyến quốc phòng an ninh vùng biên giới và dân tộc.
2. Địa điểm: Xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

3. Quy mô giải tỏa:

- Tổng diện tích đất bồi thường: **23.170,50m²** do 167 hộ dân quản lý, sử dụng, trong đó:

- + Đất ở cổng chùa bà - Ranh An Hảo (Đoạn 1): 1.921,60m²;
- + Đất ở tại trung tâm hành chính xã (Đoạn 2): 1.260,00m²;
- + Đất ở từ TTHC xã-Ranh TT Chi Lăng (Đoạn 3): 4.894,70m²;
- + Đất ở ranh TTHC xã - cổng chùa bà (Đoạn 4) 3.311,00m²;
- + Đất trồng cây lâu năm (CLN): 9.582,80m²;
- + Đất trồng cây hàng năm (CHN): 2.200,40m².

- Giải tỏa nhà, vật kiến trúc và tài sản khác: của 176 hộ dân.

4. Tổng kinh phí bồi thường: 22.678.980.000đ (hai mươi hai tỷ sáu trăm bảy mươi tám triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng), gồm có các khoản sau:

- Chi phí bồi thường về đất: 9.155.586.000đ, trong đó:
 - + Đoạn 1: 1.921,60m² x 900.000đ/m² = 1.729.440.000đ;
 - + Đoạn 2: 1.260,00m² x 750.000đ/m² = 954.000.000đ;
 - + Đoạn 3: 4.894,70m² x 600.000đ/m² = 2.936.820.000đ;
 - + Đoạn 4: 3.311,00m² x 600.000đ/m² = 1.986.600.000đ;
 - + CLN: 9.582,80m² x 135.000đ/m² = 1.293.678.000đ;
 - + CHN: 2.200,40m² x 120.000đ/m² = 264.048.000đ.
- Chi phí bồi thường nhà và vật kiến trúc: 7.851.683.949đ.
- Chi phí bồi thường cây trồng: 1.171.235.000đ.
- Chi phí hỗ trợ di chuyển chỗ ở:
 - + Trên 30m²: 02 hộ x 4.000.000đ/hộ = 8.000.000đ.
 - + Trên 50m²: 01 hộ x 5.000.000đ/hộ = 5.000.000đ.
- Chi phí hỗ trợ tiền thuê nhà thời gian 06 tháng:
 - + Hộ có từ 04 nhân khẩu trở xuống
01 hộ x 1.200.000đ/hộ/tháng x 06 tháng = 7.200.000đ.
 - + Hộ có từ 05 nhân khẩu trở lên
14 nk x 300.000đ/nk/tháng x 06 tháng = 25.200.000đ.
- Chi phí hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thời gian 03 tháng:
 - 09 nhân khẩu x 999.000đ/nhân khẩu = 8.991.000đ.
- Chi phí hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất nông nghiệp:
 - + CLN: 8.974,60m² x 45.000 đ/m² x 3 = 1.211.571.000đ.
 - + CHN: 2.200,40m² x 40.000 đ/m² x 3 = 264.048.000đ.
- Chi phí hỗ trợ công đào đắp:
 - KL san lấp: 3.873,40m³ x 118.000 đ/m³ = 457.057.660đ.

- Chi phí hỗ trợ tự lo tái định cư:

$$02 \text{ suất} \times 23.200.000\text{đ/suất} = 46.400.000\text{đ.}$$

- Chi phí khen thưởng:

$$+\text{Dưới 50 triệu đồng: } 103 \text{ hộ} \times 1.000.000\text{đ/hộ} = 103.000.000\text{đ.}$$

$$+\text{Trên 50 triệu đồng: } 49 \text{ hộ} \times 2.000.000\text{đ/hộ} = 98.000.000\text{đ.}$$

$$+\text{Trên 100 triệu đồng: } 46 \text{ hộ} \times 3.000.000\text{đ/hộ} = 138.000.000\text{đ.}$$

$$+\text{Trên 200 triệu đồng: } 24 \text{ hộ} \times 5.000.000\text{đ/hộ} = 120.000.000\text{đ.}$$

$$+\text{Trên 500 triệu đồng: } 01 \text{ hộ} \times 8.000.000\text{đ/hộ} = 8.000.000\text{đ.}$$

- Chi phí dự phòng: 2.000.000.000đ (dùng để giải quyết các khoản chi phí bồi thường phát sinh và những khoản chi phí chưa đưa vào dự toán), khi có phát sinh các khoản chi, Sở Tài nguyên và Môi trường phải tiến hành thẩm định và hướng dẫn chi bổ sung theo đúng các chính sách đã được phê duyệt.

- Thực hiện các mức giá bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng, tái định cư, kiến nghị và chi phí tổ chức thực hiện theo phương án của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 02/TTr-STNMT ngày 02/01/2019.

5. Nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương + Ngân sách tỉnh.

Điều 2.- Quyết định này thay thế Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang và có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên có trách nhiệm công bố mức bồi thường đúng theo điều 1 của quyết định này và tổ chức thực hiện việc bồi thường đúng trình tự thủ tục theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên và Chủ tịch UBND xã Tân Lợi chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- VP. UBND tỉnh;
- Sở TC, TNMT, XD, KHĐT, GTVT;
- UBND huyện Tịnh Biên;
- UBND xã Tân Lợi;
- Phòng NC, KTN;
- Lưu.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Nưng